



KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ ĐÀN GÀ TRE TẠI TIÊN PHƯỚC, QUẾ SƠN VÀ NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

Luong Thi Thuy¹, Truong Thi Hong Hai^{2*}

¹Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Nam, 119 Hùng Vương, Tam Kỳ, Quảng Nam, Việt Nam

²Viện công nghệ sinh học, Đại học Huế, Tinh Lộ 10, Phú Vang, Thừa Thiên Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Truong Thi Hong Hai <tthhai@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 25-5-2020; Ngày chấp nhận đăng: 25-9-2020)

Tóm tắt. Bài báo này trình bày kết quả khảo sát bước đầu về đàn gà Tre Quảng Nam tại ba huyện thuộc vùng Trung du, gồm Tiên Phước, Nông Sơn và Quế Sơn. Thông tin được thu thập từ 90 hộ chăn nuôi về tổng đàn gà và số lượng gà Tre của từng huyện. Nghiên cứu mô tả ngoại hình của Gà tre Quảng Nam, các phương thức chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh, mục đích chăn nuôi và thị trường tiêu thụ. Mặc dù giá gà cao, kể cả gà thịt và gà giống, nhưng thị trường là khả quan. Tuy nhiên, số lượng gà nuôi đang ngày càng giảm.

Từ khóa: gà Tre, ngoại hình, phương thức chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh, thị trường

Preliminary results of bantams raising in Tien Phuoc, Que Son, and Nong Son district, Quang Nam province

Luong Thi Thuy¹, Truong Thi Hong Hai^{2*}

¹Department of Agriculture and Rural Development of Quang Nam,
119 Hung Vuong St., Tam Ky, Quang Nam, Vietnam

²Institute of Biotechnology, Hue University, Rd. No. 10, Phu Vang, Thua Thien Hue, Vietnam

* Correspondence to Truong Thi Hong Hai <tthhai@hueuni.edu.vn>

(Submitted: Mar 25, 2020; Accepted: September 25, 2020)

Abstract. This paper presents our preliminary results of raising bantams in three highland districts of Quang Nam province. The information about the total number of chicks and the corresponding number raised in each district is collected from 90 households. The research describes the appearance of Quang Nam's bantams, the mode of raising, the disease prevention, the purpose of raising, and the market. Although the chicks are sold at a high price, the market is promising. However, the number of raised chicks is decreasing.

Keywords: bantams, appearance, mode of raising, disease prevention, market

1 Đặt vấn đề

Gà Tre (*Gallus gallus domesticus*) là giống gà nhà, có lông sặc sỡ, nhưng thể trạng nhỏ, đặc biệt tiếng gáy rất thanh [5]. Ở Việt Nam, gà Tre không chỉ được nuôi để lấy thịt mà còn để làm cảnh. Gà tre ở Việt Nam được ưa chuộng để làm cảnh bởi vì chúng nhỏ, nhẹ, có màu lông đẹp và dễ nuôi. Hiện nay, các dòng gà Tre ở Việt Nam đa dạng do việc du nhập của nhiều dòng gà nước ngoài và chúng đã được lai tạo với nhau tạo ra gà Tre lai [4]. Do vậy, mỗi vùng miền có những nhóm gà Tre đặc trưng riêng biệt. Gà Tre Quảng Nam đã có thời gian tồn tại khá lâu, thích nghi với điều kiện địa hình, khí hậu của vùng, khả năng kháng bệnh tốt trong điều kiện chăn nuôi nông hộ; thịt săn chắc, ngọt; trứng thơm, ngon, tỷ lệ lòng đỏ nhiều, v.v. [3]. Theo xu hướng thị trường hiện nay, người tiêu dùng có thị hiếu sử dụng các sản phẩm truyền thống, an toàn. Với đặc tính thịt, trứng thơm ngon, gà Tre được người tiêu dùng ưa chuộng và giá bán của chúng tăng lên theo hướng đặc sản.

Trước đây, giống gà này được nuôi phổ biến theo hình thức chăn thả tại các gia đình ở vùng trung du của tỉnh. Tuy nhiên, trong mười năm trở lại đây, cùng với xu thế thương mại hóa, người chăn nuôi tập trung vào các giống gà có thời gian nuôi ngắn, năng suất thịt cao, đồng thời thay đổi sang phương thức chăn nuôi tập trung với quy mô lớn. Xét về đặc tính của giống gà Tre thì không thể đáp ứng với nhu cầu nêu trên, bởi vì gà Tre là giống gà địa phương có tầm vóc nhỏ, thời gian nuôi dài và nguồn giống gà Tre tại địa phương không cung cấp đủ theo quy mô chăn nuôi lớn. Vì vậy, một số giống gà như Tam Hoàng, Lương Phượng hoặc các giống gà thả vườn lai, v.v. được du nhập vào địa bàn tỉnh khá nhiều. Điều này dẫn đến sự lai tạp có chủ đích hoặc tự do diễn ra trong quần thể đàn. Bên cạnh đó, phương thức nuôi chăn thả đã tạo nên tình trạng giao phối cận huyết, làm giảm năng suất, chất lượng đàn gà, đặc biệt là giảm khả năng sinh sản, khả năng nuôi sống, v.v. [2]. Các nguyên nhân đó dẫn đến số lượng đàn gà Tre trên địa bàn tỉnh đang ngày càng giảm dần, giống gà Tre Quảng Nam bị thoái hóa trầm trọng và có nguy cơ biến mất [3].

Xuất phát từ thực tiễn đó, chúng tôi tiến hành khảo sát, điều tra tình hình chăn nuôi và đánh giá thực trạng đàn gà Tre trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, nhằm phục vụ công tác thuần chủng, bảo tồn và phát triển giống gà này.

2 Vật liệu và phương pháp

2.1 Nội dung

Nghiên cứu tập trung vào điều tra, khảo sát bước đầu về nguồn gốc giống, số lượng và sự phân bố, tập quán chăn nuôi như chuồng nuôi, phòng trị bệnh, mục đích nuôi, v.v.; xu hướng biến động của đàn gà, thị trường tiêu thụ và khả năng sản xuất thịt của gà Tre Quảng Nam.

2.2 Phương pháp

Nghiên cứu được thực hiện tại sáu xã: Tiên Hà, Tiên Châu (Tiên Phước); Sơn Viên, Quế Lộc (Nông Sơn); Quế Long, Quế Phong (Quế Sơn). Khảo sát được tiến hành với 90 hộ chọn ngẫu nhiên.

Thông tin thứ cấp bao gồm số lượng, phân bố và tình hình biến động của đàn. Thông tin sơ cấp gồm nguồn gốc giống, chuồng trại, phòng trừ dịch bệnh; mục đích nuôi, tập quán chăn nuôi, thị trường tiêu thụ và đặc điểm của gà. Các thông tin này được thu thập theo phương pháp phân tích các tài liệu đã có tại địa phương và các nghiên cứu trước đây, kết hợp với phỏng vấn và thảo luận nhóm, có sự tham gia của cộng đồng và chuyên gia. Điều tra, khảo sát thực địa bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp người chăn nuôi theo phiếu điều tra.

Số lượng và phân bố đàn gà; tình hình biến động, lai tạp; nguồn gốc giống, chuồng trại, phòng trừ dịch bệnh; mục đích nuôi, tập quán chăn nuôi, thị trường tiêu thụ được điều tra bằng phiếu điều tra.

Các số liệu điều tra từ phiếu điều tra được tổng hợp, tính toán bằng phần mềm Excel 2010.

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Số lượng và phân bố đàn gà Tre

Tổng đàn gà của ba huyện là 578.000 con; trong đó đàn gà Tre có 198.000 con (34,26%). Tiên Phước có 68.000 con (25,37%); Nông Sơn có 30.000 con (50%); Quế Sơn có 100.000 con, (40%) (Bảng 1).

Bảng 1. Sự phân bố đàn gà Tre tại các huyện khảo sát

STT	Huyện	Tổng đàn (ngàn con)	Gà Tre (ngàn con)	Gà Tre/ T. đàn (%)	Gà Tre ≥50% (xã)	Gà tre 30–≤ 50% (xã)	Gà Tre 10–≤ 30% (xã)	Gà Tre <10% (xã)	Tổng số xã
1	Tiên Phước	268	68	25,37	5	4	6	0	15
2	Nông Sơn	60	30	50,00	3	2	2	0	7
3	Quế Sơn	250	100	40,00	5	3	1	3	12
	Tổng cộng	578	198	34,26	13	9	9	3	34

Bảng 2. Số lượng và nhu cầu giống gà Tre tại các xã khảo sát

STT	Huyện/Xã	Số thôn	Số thôn có gà Tre	Tổng đàn gà (con)	Số lượng gà Tre (con)	%	Số hộ nuôi gà	Số hộ nuôi gà Tre	%	Nhu cầu giống gà Tre	
										Có	Không
I	Tiên Phước	11	11	24.060	9.340	38,8	1.250	367	29,4	2	0
1	Tiên Hà	6	6	9.060	6.340	70,0	450	167	37,1	Có	0
2	Tiên Châu	5	5	15.000	3.000	20,0	800	200	25,0	Có	0
II	Nông Sơn	10	10	15.000	4.500	30,0	1.700	560	32,9	2	0
1	Sơn Viên		5	4.000	3.000	70,0	700	500	71,4	Có	0
2	Quế Lộc	5	5	11.000	1.500	13,6	1.000	60	6,0	Có	0
III	Quế Sơn	16	16	70.000	40.000	57,1	1.300	400	30,7	2	0
1	Quế Long	7	7	40.000	20.000	50,0	400	200	50,0	Có	0
2	Quế Phong	9	9	30.000	20.000	66,7	900	200	22,2	Có	0
Tổng cộng		37	37	109.060	53.840	49,4	4.250	1.327	31,2	6	0

Tổng số đơn vị hành chính cấp xã tại ba huyện khảo sát là 34, trong đó 13 xã còn nuôi gà Tre ở tỷ lệ $\geq 50\%$ (38,2% – 5/15 xã, Nông Sơn: 3/7 xã, Quế Sơn: 5/12 xã); 9 xã còn nuôi gà Tre ở tỷ lệ 30–50% (26,5% – Tiên Phước: 4/15 xã, Nông Sơn: 2/7 xã, Quế Sơn: 3/12 xã); 9 xã nuôi ở tỷ lệ 10–30% (26,5% – Tiên Phước: 6/15 xã, Nông Sơn: 2/7 xã, Quế Sơn: 1/12 xã); 3 xã nuôi ở tỷ lệ dưới 10% (8,8% – chỉ còn ở Quế Sơn).

Kết quả khảo sát ở 6 xã cho thấy tất cả 37 thôn đều nuôi gà Tre. Tổng đàn gà là 109.060 con, trong đó gà Tre có 53.840 con (49,4%); số hộ nuôi gà là 4.250; số hộ nuôi gà Tre là 1.327 hộ (31,2%) (Bảng 2). Cả 6 xã được khảo sát đều cho rằng nhu cầu giống đối với địa phương là cần thiết.

3.2 Tình hình biến động, lai tạp của đàn gà Tre

Đàn gà Tre của cả 3 huyện đều có tình trạng lai tạp. Số lượng gà Tre nuôi biến động theo hướng giảm ở cả ba huyện. Nguyên nhân là nguồn giống gà Tre tại địa phương không cung cấp đủ nhu cầu chăn nuôi với quy mô lớn. Vì thế, người dân mua các loại gà khác ngoài địa phương về nuôi. Một lý do khác nữa là gà Tre có khối lượng nhỏ nên hộ chăn nuôi cho lai với gà Nòi, gà Tam Hoàng, gà Lương Phượng để tạo ra giống lai có khối lượng lớn hơn. Mặt khác, một số chương trình hỗ trợ gà nuôi thả vườn của các cơ quan, tổ chức; các giống gà nuôi thả vườn ngoại lai khác đã lai tạp với giống gà Tre địa phương. Theo báo cáo của ngành nông nghiệp Quảng Nam, khoảng 50–80% đàn gà (của 3 huyện được khảo sát) bị lai tạp. Mục đích lai tạp là cải tạo tầm vóc của giống gà Tre địa phương; còn lại hướng khác là tạp giao không chủ đích do các giống

gà khác nhau được nuôi chung theo phương thức thả rông không kiểm soát và mua bán giao lưu tùy tiện trên thị trường [3].

3.3 Nguồn gốc giống, chuồng trại, phòng trừ dịch bệnh

Chín mươi hộ của 6 xã nêu trên đang nuôi 7.512 con gà, trong đó gà Tre có 5.278 con, chiếm 70,26% số gà đang nuôi. 96,68% số hộ có giống tự sản xuất; 2,22% số hộ mua giống tại địa phương; 1,10% số hộ mua giống từ các nguồn khác.

Đối với chuồng nuôi, 5,6% số hộ xây dựng chuồng kiên cố (làm từ gạch, xi măng, có mái che bằng tôn, ngói; 70% số hộ làm chuồng tạm (làm từ tre, nứa, mái tranh, lá); 24,4% số hộ không có chuồng và hầu như không có hố phân. Gắn liền với việc xây dựng chuồng trại là phương thức chăn nuôi: 3,33% số hộ nuôi nhốt hoàn toàn; 71,11% số hộ nuôi bán chăn thả và 25,6% số hộ nuôi thả rông.

Về phòng trị bệnh, 36,7% số hộ có tiêm phòng. Kết quả này cũng tương đồng với số liệu tại Báo cáo tiêm phòng trên đàn gà hàng năm của Chi cục Thú y tỉnh (khoảng 35–37%); trong khi đó, số hộ nuôi gà Tre thì gà thường bị bệnh chỉ chiếm 8,9%; như vậy, có thể nói khả năng đề kháng với bệnh tật của gà Tre khá cao vì theo số liệu điều tra, 70,26% số gà đang nuôi là gà Tre; điều này cũng phù hợp với kết quả khảo sát. 90,0% số hộ cho rằng gà Tre có khả năng chống bệnh tốt hơn so với các loại gà khác; 8,9% trả lời như nhau và 1,1% cho rằng khả năng chống bệnh của gà Tre kém hơn.

3.4 Mục đích nuôi, tập quán chăn nuôi, thị trường tiêu thụ

Khi được hỏi về mục đích nuôi, 8,9% số hộ trả lời là nuôi để cải thiện đời sống; 88,9% số hộ nuôi để bán gà thịt và 2,2% số hộ nuôi để bán gà giống. Hầu hết các hộ khi được hỏi về kiến thức chăn nuôi đều trả lời chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống từ xưa tới nay trong việc chọn giống, làm chuồng cũng như chăm sóc nuôi dưỡng. 75,6% số hộ chưa được tham gia tập huấn kỹ thuật nuôi gà lần nào; 24,4% số hộ tham gia tập huấn. Các khóa tập huấn thường kéo dài từ một buổi đến một ngày.

Về thị trường tiêu thụ, Gà Tre được người tiêu dùng ưa thích nên tiêu thụ rất dễ. Nhu cầu lớn và giá hiện nay khoảng gần gấp đôi so với giá của các giống gà thả vườn khác. Mặt khác, thịt gà thơm ngon, được người tiêu dùng ưa chuộng nên thị trường tiêu thụ mạnh, giá cao, hiệu quả kinh tế cao, góp phần xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho nhiều nông hộ. Hướng bán con giống cũng khá thuận lợi; giống gà Tre địa phương dễ nuôi, ít bị dịch bệnh, phù hợp với tập quán và kiểu chăn nuôi truyền thống, do vậy nông hộ phát triển chăn nuôi mạnh.



Hình 1. Gà Tre Quảng Nam gà mái và gà trống

3.5 Đặc điểm gà Tre Quảng Nam tại hộ khảo sát

Các đặc điểm chủ yếu là màu lông, da và dạng mào, là cơ sở cho việc nhận dạng gà Tre Quảng Nam. Kết quả điều tra gà Tre ở độ tuổi 4–5 tháng cho thấy đặc điểm màu lông gà trống có 2 dạng: một loại có màu sắc thân đỏ mận (45,6%) và một loại đỏ tía (65,6%); màu sắc của lông đuôi chủ yếu là màu đen (63,3%) và một số con trống lông đuôi màu đen tía có ánh xanh (38,9%) (Hình 1). Đối với con mái, lông có ba màu: màu vàng đất (22,3%); màu vàng rom (73,3%) và đốm hoa mơ (4,4%); lông đuôi của gà mái chỉ có màu đen. Phần lớn lông ở cổ của gà trống cũng như gà mái không có chấm đen (78,9%). Theo Phạm Mạnh Hưng, gà Tre Nam Bộ có màu vàng (15,93%), đỏ (19,68%), trắng (18,78) và trắng sọc đen (25,82%) [1]. Sự khác biệt về ngoại hình của gà Tre vùng Nam Bộ so với gà Tre Quảng Nam có thể hình thành do sự chọn lọc theo thị hiếu của người nuôi và thị trường tiêu dùng tại từng vùng miền. Ở Quảng Nam, màu lông gà quyết định thị trường tiêu thụ. Da gà Tre màu vàng chiếm 97,8%, màu đen 1,6% và màu trắng chiếm 0,6%. Mào gà có hai dạng: mào lá (99%) và mào nụ (1%). Tích tai có màu đỏ (95,6%) và màu trắng (4,4%). Tất cả gà có chân vàng, thon nhỏ. Khi xuất bán (từ 5,5 đến 6 tháng), gà có khối lượng trung bình 1,2–1,4 kg/con đối với con trống và 1–1,2 kg/con đối với con mái. Đặc điểm ngoại hình và khối lượng phù hợp với thị hiếu của người dân địa phương về nhu cầu tâm linh nên các nông hộ nuôi gà Tre chủ yếu phục vụ cho mục đích này.

4 Kết luận

Từ những kết quả khảo sát, điều tra chúng tôi nhận thấy: đàn gà Tre của cả 3 huyện đều có tình trạng lai tạp và biến động của đàn gà Tre theo xu hướng giảm. Về nguồn gốc giống gà của các hộ đang nuôi chủ yếu là từ gà nhà đẻ ra. Mục đích nuôi gà Tre để bán và hầu hết các hộ nuôi

chưa được tập huấn kỹ thuật nuôi gà lẩn nào; về ngoại hình của gà Tre: màu sắc lông đối với con trống có 2 dạng, một loại có màu sắc thân đỏ mận và một loại đỏ tía; màu sắc của lông đuôi chủ yếu là màu đen và một số con trống lông đuôi màu đen tía có ánh xanh. Đối với con mái, màu sắc lông phân ly thành 3 loại: màu vàng đất; màu vàng rom và đốm hoa mơ. Màu sắc lông đuôi của gà mái là màu đen. Lông ở cổ của gà trống cũng như gà mái, phần lớn là không có chấm đen. Da gà Tre màu vàng là chủ yếu. Kiểu mỏ lá, một số ít cá thể mỏ nụ; tích tai màu đỏ. Hầu hết chân vàng và thon nhỏ.

Cần có những nghiên cứu cơ bản, toàn diện hơn để xây dựng những tài liệu khoa học về giống gà Tre Quảng Nam và là cơ sở để hình thành quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất. Đồng thời, để giữ gìn nguồn gen quý hiếm này cần có cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để bảo tồn, phát triển giống gà này như là tư liệu sản xuất và là sản phẩm nông nghiệp đặc hữu của người dân Xứ Quảng.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Mạnh Hưng, Nguyễn Hữu Tinh, (2009), Một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng của gà Tre Nam Bộ, *Tạp chí Công nghệ Chăn nuôi* (Viện Chăn nuôi), 54, 15–26.
2. Lê Viết Ly, Lê Minh Sắt, Võ Văn Sự, (2003), *Công tác tôn và bảo khai thác quỹ gen vật nuôi, 10 năm nhìn lại*, Tuyển tập công trình NCKH 50 năm Viện Chăn nuôi.
3. Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam, *Báo cáo tổng kết Nông nghiệp Quảng Nam các năm từ 2015–2020*.
4. <https://sites.google.com/site/vuonchimquangbinh/g-1>. Truy cập ngày 18/12/2019.
5. https://vi.wikipedia.org/wiki/Giống_vật_nuôi_Việt_Nam#Gà_tre. Truy cập ngày 27/12/2019.